

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Công trình: Lắp đặt hệ thống Camera xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông
tại Km9+600 (thuộc tuyến Quốc lộ 19 mới, huyện Tuy Phước) và tại đoạn
đường từ Km22+100 đến Km29+350 (thuộc tuyến ĐT.639, huyện Phù Cát).
Địa điểm xây dựng: Huyện: Tuy Phước và Phù Cát, tỉnh Bình Định.
Hệ thống kiểm soát và giám sát đặt tại trụ sở Phòng CSGT công an tỉnh.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/2/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; Nghị định 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Thông tư 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 53/2022/NĐ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng; Văn bản số 1598/BTTTT-CATTT ngày 28/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Tăng cường bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 62/2024/TT-BCA ngày 12/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ”, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe” và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “trung tâm chỉ huy giao thông”;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc sửa đổi một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 09/01/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số;

Căn cứ Quyết định số 5362/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 4911/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống Camera giám sát trật tự an toàn giao thông và an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng kinh phí thực hiện công tác đảm bảo an toàn giao thông năm 2025 của Ban An toàn giao thông tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo số 152/BC-STC ngày 29/4/2025, đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Văn bản số 322/SKHCN-CN&BCVT ngày 18/4/2025 và đề nghị của Ban An toàn giao thông tỉnh tại Văn bản số 254/TTr-BATGT ngày 29/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Lắp đặt hệ thống Camera xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông tại Km9+600 (thuộc tuyến Quốc lộ 19 mới, huyện Tuy Phước) và tại đoạn

đường từ Km22+100 đến Km29+350 (thuộc tuyến ĐT.639, huyện Phù Cát), với nội dung chính như sau:

I. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật

1. Chủ đầu tư: Ban An toàn giao thông tỉnh.

2. Mục tiêu đầu tư: Lắp đặt hệ thống Camera xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông tại Km9+600 (thuộc tuyến Quốc lộ 19 mới, huyện Tuy Phước) và tại đoạn đường từ Km22+100 đến Km29+350 (thuộc tuyến ĐT.639, huyện Phù Cát) để xử lý, xử phạt những trường hợp vi phạm về ATGT và an ninh trật tự nhằm răn đe, chấn chỉnh ý thức của người tham gia giao thông, xây dựng lối sống văn minh trong tham gia giao thông; đồng thời, hỗ trợ các đơn vị chức năng kiểm soát và phát hiện những phương tiện vi phạm giao thông, góp phần tăng cường công tác đảm bảo ATGT và nâng cao ý thức chấp hành Luật Giao thông, phòng ngừa tai nạn giao thông, đưa ra những bằng chứng vi phạm xác thực nhất khi người điều khiển phương tiện tham gia giao thông vi phạm như: Đi sai làn đường; vượt quá tốc độ cho phép; xe biển số đen; vi phạm đậu đỗ, quá khổ quá tải, góp phần làm giảm thiểu tai nạn giao thông, giảm sức người trong việc quản lý theo dõi.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Tuy Phước và Phù Cát, tỉnh Bình Định; Hệ thống kiểm soát và giám sát đặt tại trụ sở Phòng CSGT Công an tỉnh.

4. Quy mô đầu tư

a. Phần giá trị xây lắp: Chủ đầu tư chủ động thực hiện theo hồ sơ thiết kế, quy chuẩn thiết bị, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm theo quy định.

b. Khối lượng thiết bị, phần mềm hệ thống công nghệ thông tin:

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
I	TRUNG TÂM LƯU TRỮ VÀ GIÁM SÁT		
1	Máy tính trạm	Bộ	01
2	Màn hình máy tính	Cái	01
3	Máy in phun màu	Cái	01
4	Ổ cứng HDD	Cái	07
5	Thiết bị tường lửa	Cái	02
6	Thiết bị lưu trữ NAS	Thiết bị	01
7	Bộ lưu điện	Bộ	1
8	Switch trung tâm chuyển mạch 24 pots	Thiết bị	1
II	CAMERA VÀ HẠ TẦNG LẮP ĐẶT CAMERA		
1	Camera chuyên dụng chụp biển số xe ở tốc độ cao 8.0 MP	Thiết bị	08
2	Camera bắn tốc độ	Thiết bị	04
3	Camera IP Speed Dome hồng ngoại 5.0 Megapixel	Thiết bị	04
4	Chân đế đa hướng cho camera giao thông	Thiết bị	12
5	Bộ chuyển đổi video cáp quang 1 kênh	Cái	05
6	Thiết bị chuyển mạch Switch	Cái	04
III	PHẦN MỀM GIÁM SÁT		

1	Mua License sử dụng phần mềm trên cơ sở phần mềm bản quyền GSGT đã có (Mỗi License sử dụng cho 01 Camera)	License	16
2	Mua License tính năng tích hợp Radar bắn tốc độ (Mỗi License cho 01 Làn đường)	Làn đường	12
3	Tối ưu hóa quy trình xử lý vi phạm của phần mềm	Gói	01
4	Mua License cho Server thứ 2, dùng để chạy backup cho server chính	Gói	01
5	Mua License phần mềm trung tâm giám sát và xử lý vi phạm tại Huyện/xã	Gói	01

5. Giải pháp thực hiện

a. Hệ thống thiết bị phần cứng: Lắp đặt hệ thống Camera xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông tại Km9+600 (thuộc tuyến Quốc lộ 19 mới, huyện Tuy Phước) và tại đoạn đường từ Km22+100 đến Km29+350 (thuộc tuyến ĐT.639, huyện Phù Cát), cụ thể như sau:

-) *Phần thiết bị camera giám sát giao thông:*

+ **Điểm 1:** Lắp đặt trong phạm vi từ Km 9+400 - Km 9+700 (thuộc tuyến Quốc lộ 19 mới, huyện Tuy Phước), cụ thể: Lắp đặt tại 04 vị trí, tổng cộng 08 camera. Trong đó, có 2 thiết bị camera đo tốc độ được tích hợp (gồm ống kính nhận diện biển số, đèn led trợ sáng và radar đo tốc độ xe); 04 camera nhận dạng biển số, đo đếm lưu lượng phương tiện và 02 camera zoom xoay 360° toàn cảnh.

+ **Điểm 2:** Lắp đặt trong phạm vi từ Km 22+400 đến Km 22+900 (thuộc tuyến ĐT.639, huyện Phù Cát), cụ thể: Lắp đặt tại 04 vị trí, tổng cộng 08 camera. Trong đó có 2 thiết bị camera đo tốc độ được tích hợp (gồm ống kính nhận diện biển số, đèn led trợ sáng và radar đo tốc độ xe); 04 camera nhận dạng biển số, đo đếm lưu lượng phương tiện và 02 camera zoom xoay 360° toàn cảnh.

- *Nguồn điện:* sử dụng hệ thống điện xoay chiều 220VAC, 50Hz từ điện lưới quốc gia hoặc lấy từ nguồn điện động lực hiện có, nguồn cấp được hợp đồng đấu nối với lưới điện của Điện lực tại địa phương để hạ công tơ điện sử dụng riêng cho từng điểm lắp đặt camera; dây điện sử dụng dây điện CVV 2x1,5mm² đi trên không tận dụng các trụ điện hạ tầng sẵn có.

- *Đường truyền:*

+ Về đường truyền: Được thuê của nhà mạng của các nhà cung cấp trong tỉnh, nhưng phải đảm bảo đạt tối thiểu yêu cầu về băng thông của đường truyền (yêu cầu tốc độ đường truyền tối thiểu mỗi Camera là $\geq 5\text{Mbps}$).

+ Dây cáp mạng sử dụng dây cáp mạng Cat.6A FTP đi trên không tận dụng các trụ điện hạ tầng sẵn có.

+ Lắp đặt switch POE để cấp nguồn và đường truyền mạng lan tại trụ để kết nối camera với router internet, hệ thống switch có khả năng chống sét lớn hơn 2KV.

+ Các thiết bị kết nối đầu cuối, tay vịn và các phụ kiện khác đi kèm để đảm bảo việc khai thác, kết nối từ camera lên Trung tâm trung tâm lưu trữ và giám sát tại trụ sở Phòng CSGT Công an tỉnh.

b. Hệ thống các thiết bị phục vụ tại Trung tâm giám sát, điều hành: Hệ thống trang thiết bị kiểm soát và giám sát đặt tại trụ sở Phòng CSGT Công an tỉnh.

6. Tổng mức đầu tư công trình là 5.050.333.000 đồng (Năm tỷ, không trăm năm mươi triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng). Trong đó:

- Chi phí phần thi công lắp đặt : 143.077.000 đồng;
- Chi phí thiết bị : 4.600.070.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 109.494.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 177.367.000 đồng;
- Chi phí khác : 20.325.000 đồng;

7. Nguồn vốn: Thực hiện theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

8. Nhóm dự án: Công trình hạ tầng kỹ thuật (công nghệ thông tin), nhóm C.

9. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Theo quy định hiện hành.

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2025.

II. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Chi tiết có Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Ban An toàn giao thông tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Ban An toàn giao thông tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Giám đốc Công an tỉnh, Kho bạc Nhà nước khu vực XIII, Chủ tịch UBND các huyện: Tuy Phước, Phù Cát và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- VP Ban ATGT tỉnh;
- Lưu: VT, K19.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Công trình: Lắp đặt hệ thống Camera xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông tại Km9+600 (thuộc tuyến Quốc lộ 19 mới, huyện Tuy Phước) và tại đoạn đường từ Km22+100 đến Km29+350 (thuộc tuyến ĐT.639, huyện Phù Cát)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tuỳ chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Ban An toàn giao thông tỉnh	Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình	Giám sát thi công xây dựng công trình	35.389	Thực hiện theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		15 ngày	Quý II năm 2025	Trọn gói	90 ngày	Không áp dụng	
2		Tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT công trình	Lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT công trình	19.720				15 ngày	Quý II năm 2025	Trọn gói	30 ngày	Không áp dụng	
3		Tư vấn thẩm định E-HSMT và kết quả LCNT công trình	Thẩm định E-HSMT và kết quả LCNT công trình	9.860				15 ngày	Quý II năm 2025	Trọn gói	30 ngày	Không áp dụng	
4		Toàn bộ khối lượng thi công xây dựng và thiết bị công trình	Thi công xây dựng và mua sắm thiết bị công trình	4.743.147 (trong đó: chi phí lắp đặt: 143.077; chi phí thiết bị: 4.600.070)		Đấu thầu rộng rãi trong nước qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ	30 ngày	Quý II năm 2025	Trọn gói	90 ngày	Không áp dụng	
Tổng giá trị các gói thầu: 4.808.116.000 đồng (Bốn tỷ, tám trăm lẻ tám triệu, một trăm mười sáu nghìn đồng)./.													